

Số: 2457/QĐ-ĐHTL

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển viên chức năm 2015  
của Trường Đại học Thủy lợi**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI**

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủy lợi ban hành theo Quyết định số 1249/QĐ-BNN ngày 29/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 15/2004/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quy định về phân cấp, ủy quyền quản lý công chức, viên chức của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Quyết định số 4790/QĐ-BNN-TCCB ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thi tuyển viên chức số 1262/BB-ĐHTL và Biên bản họp Hội đồng xét tuyển viên chức số 1263/BB-ĐHTL ngày 16/12/2015;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách trúng tuyển viên chức năm 2015 của Trường Đại học Thủy lợi gồm có 34 người, trong đó: Thi tuyển 26 người và xét tuyển 08 người (danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Trưởng các Phòng HCTH, TCCB, các đơn vị liên quan và các ông, bà có tên trong điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- ĐU, BGH, HĐT;
- Như điều 2;
- Lưu VT, TCCB.



**GS.TS Nguyễn Quang Kim**

# DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2015 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

Kèm theo Quyết định số 24/54/QĐ-ĐHTL ngày 18/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi

| TT           | Họ và tên                                    | Năm sinh | Giới tính | Tốt nghiệp đại học                |                                  | Trình độ hiện nay | Vị trí việc làm                                  | Ghi chú |
|--------------|----------------------------------------------|----------|-----------|-----------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------|---------|
|              |                                              |          |           | Nơi đào tạo                       | Ngành đào tạo                    |                   |                                                  |         |
| <b>A</b>     | <b>DANH SÁCH ỨNG VIÊN TRÚNG TUYỂN</b>        |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| <b>I</b>     | <b>KHOA CÔNG TRÌNH</b>                       |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| <b>I.1</b>   | <b>Bộ môn Công trình giao thông</b>          |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| 1            | Đặng Việt Đức                                | 1977     | Nam       | Trường Đại học Giao thông vận tải | Xây dựng cầu hầm                 | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Công trình giao thông          |         |
| 2            | Trương Quốc Quân                             | 1984     | Nam       | Trường Đại học Giao thông vận tải | Xây dựng cầu đường bộ            | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Công trình giao thông          |         |
| <b>I.2</b>   | <b>Bộ môn Địa kỹ thuật</b>                   |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| 1            | Đỗ Tuấn Nghĩa                                | 1985     | Nam       | Trường Đại học Xây dựng           | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Địa kỹ thuật                   |         |
| <b>I.3</b>   | <b>Bộ môn Kết cấu công trình</b>             |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| 1            | Phạm Nguyễn Hoàng                            | 1987     | Nam       | Trường Đại học Xây dựng           | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kết cấu công trình             |         |
| <b>II</b>    | <b>KHOA MÔI TRƯỜNG</b>                       |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| <b>II.1</b>  | <b>Bộ môn Kỹ thuật môi trường</b>            |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| 1            | Đỗ Thuận An                                  | 1978     | Nam       | Trường Đại học Xây dựng           | Cấp thoát nước - Môi trường nước | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật môi trường            |         |
| 2            | Phạm Nguyệt Ánh                              | 1983     | Nữ        | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội   | Công nghệ môi trường             | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật môi trường            |         |
| <b>III</b>   | <b>KHOA KỸ THUẬT BIỂN</b>                    |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| <b>III.1</b> | <b>Bộ môn Quản lý tổng hợp vùng ven biển</b> |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| 1            | Lê Tuấn Hải                                  | 1983     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi           | Công trình thủy lợi              | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Quản lý tổng hợp vùng ven biển |         |
| <b>IV</b>    | <b>KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>              |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| <b>IV.1</b>  | <b>Bộ môn Khoa học máy tính</b>              |          |           |                                   |                                  |                   |                                                  |         |
| 1            | Nguyễn Thị Hồng Hiệp                         | 1983     | Nữ        | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội   | Công nghệ thông tin              | Tiến sĩ           | Giảng viên Bộ môn Khoa học máy tính              |         |

| TT           | Họ và tên                                      | Năm sinh | Giới tính | Tốt nghiệp đại học              |                                  | Trình độ hiện nay | Vị trí việc làm                           | Ghi chú |
|--------------|------------------------------------------------|----------|-----------|---------------------------------|----------------------------------|-------------------|-------------------------------------------|---------|
|              |                                                |          |           | Nơi đào tạo                     | Ngành đào tạo                    |                   |                                           |         |
| <b>B</b>     | <b>DANH SÁCH THI TUYỂN</b>                     |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| <b>I</b>     | <b>KHOA CÔNG TRÌNH</b>                         |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| <b>I.1</b>   | <b>Bộ môn Thủy công</b>                        |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Phạm Lan Anh                                   | 1984     | Nữ        | Trường Đại học Thủy lợi         | Công trình thủy lợi              | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Thủy công               |         |
| 2            | Lê Hồng Phương                                 | 1986     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi         | Công trình thủy lợi              | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Thủy công               |         |
| <b>I.2</b>   | <b>Bộ môn Xây dựng dân dụng và công nghiệp</b> |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Phạm Thu Hiền                                  | 1987     | Nữ        | Trường Đại học Xây dựng         | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Xây dựng dân dụng và CN |         |
| <b>I.3</b>   | <b>Bộ môn Công nghệ và quản lý xây dựng</b>    |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Ngô Thị Thùy Anh                               | 1989     | Nữ        | Trường Đại học Thủy lợi         | Kỹ thuật công trình xây dựng     | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Công nghệ và QLXD       |         |
| <b>I.4</b>   | <b>Bộ môn Sức bền - Kết cấu</b>                |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Phạm Văn Thành                                 | 1992     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi         | Kỹ thuật công trình xây dựng     | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Sức bền - Kết cấu       |         |
| <b>II</b>    | <b>KHOA NĂNG LƯỢNG</b>                         |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| <b>II.1</b>  | <b>Bộ môn Kỹ thuật điện</b>                    |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Nguyễn Gia Quân                                | 1986     | Nam       | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Kỹ thuật điện                    | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật điện           |         |
| <b>III</b>   | <b>KHOA CƠ KHÍ</b>                             |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| <b>III.1</b> | <b>Bộ môn Máy xây dựng</b>                     |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Phạm Vũ Nam                                    | 1989     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi         | Kỹ thuật cơ khí                  | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Máy xây dựng            |         |
| <b>III.2</b> | <b>Bộ môn Đồ họa kỹ thuật</b>                  |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Đinh Thu Nga                                   | 1990     | Nữ        | Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội | Kiến trúc công trình             | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Đồ họa kỹ thuật         |         |
| <b>III.3</b> | <b>Bộ môn Công nghệ cơ khí</b>                 |          |           |                                 |                                  |                   |                                           |         |
| 1            | Lê Thị Giang                                   | 1987     | Nữ        | Trường Đại học Bách khoa Hà Nội | Kỹ thuật luyện kim               | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Công nghệ cơ khí        |         |

| TT   | Họ và tên                                      |  | Năm sinh | Giới tính | Tốt nghiệp đại học                         |                        | Trình độ hiện nay | Vị trí việc làm                             | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------|--|----------|-----------|--------------------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------------------|---------|
|      |                                                |  |          |           | Nơi đào tạo                                | Ngành đào tạo          |                   |                                             |         |
| IV   | <b>KHOA KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ</b>                 |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| IV.1 | <b>Bộ môn Quản lý xây dựng</b>                 |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 1    | Phùng Duy Hào                                  |  | 1992     | Nam       | Trường Đại học Xây dựng                    | Kinh tế xây dựng       | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Quản lý xây dựng          |         |
| 2    | Trần Thị Kiều Trang                            |  | 1992     | Nữ        | Trường Đại học Xây dựng                    | Kinh tế xây dựng       | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Quản lý xây dựng          |         |
| IV.2 | <b>Bộ môn Quản trị kinh doanh</b>              |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 1    | Vũ Ngọc An                                     |  | 1992     | Nam       | Trường Đại học Kinh tế quốc dân            | Quản trị kinh doanh    | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh       |         |
| IV.3 | <b>Bộ môn Kế toán</b>                          |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 1    | Hoàng Thị Mai Anh                              |  | 1984     | Nữ        | Trường Đại học Tổng hợp Monash, Australia  | Ngân hàng và Tài chính | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Kế toán                   |         |
| 2    | Nguyễn Thị Quỳnh Nga                           |  | 1992     | Nữ        | Học viện Tài chính                         | Kế toán                | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Kế toán                   |         |
| IV.4 | <b>Bộ môn Kinh tế</b>                          |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 1    | Trần Văn Khiêm                                 |  | 1986     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi                    | Kinh tế thủy lợi       | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kinh tế                   |         |
| 2    | Nguyễn Phương Mạnh                             |  | 1992     | Nam       | Trường Đại học Ngoại Thương                | Kinh tế đối ngoại      | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Kinh tế                   |         |
| V    | <b>KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>                |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| V.1  | <b>Bộ môn Kỹ thuật máy tính và Mạng</b>        |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 1    | Nguyễn Hằng Phương                             |  | 1989     | Nữ        | Học viện Kỹ thuật Quân sự                  | Kỹ thuật điện, điện tử | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật máy tính và Mạng |         |
| 2    | Trần Thị Hà Trang                              |  | 1986     | Nữ        | Trường Đại học Giao thông vận tải          | Kỹ thuật viễn thông    | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật máy tính và Mạng |         |
| V.2  | <b>Bộ môn Công nghệ phần mềm</b>               |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 2    | Nguyễn Xuân Hùng                               |  | 1985     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi                    | Công nghệ thông tin    | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Công nghệ phần mềm        |         |
| VI   | <b>KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ</b>                  |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| VI.1 | <b>Bộ môn Những nguyên lý cơ bản của CNMLN</b> |  |          |           |                                            |                        |                   |                                             |         |
| 1    | Nguyễn Thị Hoàn                                |  | 1984     | Nữ        | Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn | Triết học              | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Những NLCB của CNMLN      |         |

| TT     | Họ và tên                  | Năm sinh | Giới tính | Tốt nghiệp đại học                     |                                  | Trình độ hiện nay | Vị trí việc làm                | Ghi chú |
|--------|----------------------------|----------|-----------|----------------------------------------|----------------------------------|-------------------|--------------------------------|---------|
|        |                            |          |           | Nơi đào tạo                            | Ngành đào tạo                    |                   |                                |         |
| VII    | TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ  |          |           |                                        |                                  |                   |                                |         |
| VII.1  | Bộ môn Tiếng Anh           |          |           |                                        |                                  |                   |                                |         |
| 1      | Nguyễn Văn Sơn             | 1993     | Nam       | Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học QGHN | Sư phạm Tiếng Anh                | Đại học           | Giảng viên Bộ môn Tiếng Anh    |         |
| VIII   | TRUNG TÂM ĐỊA TIN HỌC      |          |           |                                        |                                  |                   |                                |         |
| VIII.1 | Bộ môn Trắc địa            |          |           |                                        |                                  |                   |                                |         |
| 1      | Nguyễn Cẩm Vân             | 1986     | Nữ        | Trường Đại học Mỏ - Địa chất           | Trắc địa                         | Thạc sĩ           | Giảng viên Bộ môn Trắc địa     |         |
| IX     | CƠ SỞ 2                    |          |           |                                        |                                  |                   |                                |         |
| IX.1   | Bộ môn Kỹ thuật công trình |          |           |                                        |                                  |                   |                                |         |
| 1      | Trương Văn Đoàn            | 1987     | Nam       | Trường Đại học Giao thông vận tải      | Xây dựng Cầu - Đường             | Thạc sĩ           | GV, Bộ môn Kỹ thuật công trình |         |
| 2      | Phan Khanh Khánh           | 1992     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi                | Kỹ thuật công trình xây dựng     | Đại học           | GV, Bộ môn Kỹ thuật công trình |         |
| 3      | Nguyễn Vũ Luật             | 1990     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi                | Kỹ thuật công trình xây dựng     | Đại học           | GV, Bộ môn Kỹ thuật công trình |         |
| 4      | Nguyễn Vĩnh Sáng           | 1989     | Nam       | Trường Đại học Thủy lợi                | Xây dựng dân dụng và công nghiệp | Đại học           | GV, Bộ môn Kỹ thuật công trình |         |

Danh sách có 34 người./.